



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 28
8. Phụ lục	29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 và lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 29).

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2011 và tạm trích lập các quỹ của 6 tháng đầu năm theo điều lệ của Công ty như sau:

- Chia cổ tức	:	27.223.647.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	:	2.046.920.928 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	:	1.023.460.464 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

20474

ÔNG T
NHIỆM H
ẾM TOÁN
TƯ VẤN

TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0815/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 04 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Từ tháng 4 năm 2011, Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã hoàn thành cơ bản, Công ty tiến hành chạy thử để chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất chính thức và thời gian chạy thử được Công ty dự kiến từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2011. Chi phí liên quan đến chạy thử từ tháng 4 đến tháng 6 là 23.606.077.918 VND được Công ty vốn hóa. Chúng tôi chưa xác định được tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1033/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.936.866.208	80.946.560.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	699.642.932	6.215.749.142
1. Tiền	111		699.642.932	6.215.749.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.846.311.322	33.926.558.134
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	9.451.535.592	15.971.308.051
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7.153.962.272	17.738.373.621
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		240.813.458	216.876.462
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		81.847.290.873	39.800.646.111
1. Hàng tồn kho	141	V.4	81.847.290.873	39.800.646.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.543.621.081	1.003.606.950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.102.533.442	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.441.087.639	1.003.606.950

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		969.051.732.417	863.063.919.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		872.566.671.637	767.460.310.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	51.665.050.699	26.242.805.006
<i>Nguyên giá</i>	222		148.792.841.189	121.036.615.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.127.790.490)	(94.793.810.700)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.035.400.915	9.045.344.008
<i>Nguyên giá</i>	228		9.162.641.589	9.162.641.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(127.240.674)	(117.297.581)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	811.866.220.023	732.172.161.711
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.485.060.780	5.603.609.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	132.850.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	6.485.060.780	5.470.759.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.072.988.598.625	944.010.480.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		695.518.437.822	551.968.115.930
I. Nợ ngắn hạn	310		282.060.886.022	184.368.479.165
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	130.817.794.398	98.802.230.472
2. Phải trả người bán	312	V.13	86.611.189.764	69.442.101.434
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	16.402.012.841	13.748.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	5.721.564.961	1.490.958.269
5. Phải trả người lao động	315	V.16	5.603.086.764	5.854.108.535
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.909.776.571	1.980.792.512
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	28.728.477.941	1.461.055.604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	6.266.982.782	5.323.484.246
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		413.457.551.800	367.599.636.765
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	410.947.441.753	365.341.904.287
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	2.321.904.704	2.200.892.013
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		188.205.343	56.840.465
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		377.470.160.803	392.042.364.347
I. Vốn chủ sở hữu	410		377.470.160.803	392.042.364.347
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	(10.912.168.632)	(6.391.789.603)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	10.971.123.963	9.947.663.499
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	17.194.183.763	28.269.468.742
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.072.988.598.625	944.010.480.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	50.888.344.722	1.684.116.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		277.73	36,585.10
Euro (EUR)		358.95	358.77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2011


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.708.095.316	149.846.271.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	133.708.095.316	149.846.271.350
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.783.690.777	120.870.884.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.924.404.539	28.975.387.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	916.921.727	122.103.536
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.296.843.779	7.447.880.573
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.075.973.481	6.252.545.145
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.981.049.537	1.764.862.023
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.716.736.584	5.845.382.948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.846.696.366	14.039.365.119
11. Thu nhập khác	31	VI.7	262.824.315	1.187.710.643
12. Chi phí khác	32		53.816.592	110.851.278
13. Lợi nhuận khác	40		209.007.723	1.076.859.365
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.055.704.089	15.116.224.484
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.583.097.985	3.649.821.308
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		253.862.691	140.745.500
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.218.743.413</u>	<u>11.325.657.676</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>706</u>	<u>604</u>

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2011


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.055.704.089	15.116.224.484
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6, 7	2.816.456.110	2.985.956.124
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(484.050.762)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,7	(222.813.700)	-
- Chi phí lãi vay	06		8.075.973.481	6.252.545.145
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.241.269.218	24.354.725.753
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.373.521.484	21.170.976.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.758.077.793)	(23.486.904.479)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.057.707.388	(15.405.839.866)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.075.973.481)	(6.274.710.145)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(2.856.171.457)	(4.740.543.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.309.306.388	28.902.318.883
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.942.979.583)	(34.558.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.348.602.164	(10.038.876.476)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(87.638.683.195)	(164.933.146.127)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	136.363.700	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	86.450.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87.415.869.495)	(164.933.146.127)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	90.504.050.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12, 20	160.743.331.864	188.699.817.405
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(83.122.230.472)	(91.589.990.413)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(18.123.459.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		77.621.101.392	169.490.417.992
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.446.165.939)	(5.481.604.611)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.215.749.142	34.184.247.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(69.940.271)	21.202.269
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	699.642.932	28.723.844.949

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2011



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty có 543 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 537 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 12,5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2%/năm đến 5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

30/06/2011 : 20.618 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	105.076.466	54.926.289
Tiền gửi ngân hàng	594.566.466	6.160.822.853
Cộng	<u>699.642.932</u>	<u>6.215.749.142</u>

2. Phải thu khác hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng mua thành phẩm	9.157.433.346	15.342.222.146
Các khách hàng khác	294.102.246	629.085.905
Cộng	<u>9.451.535.592</u>	<u>15.971.308.051</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	10.156.804.721
Các nhà cung cấp khác	7.153.962.272	7.581.568.900
Cộng	<u>7.153.962.272</u>	<u>17.738.373.621</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	5.537.763.234	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.713.125.046	34.951.051.485
Công cụ, dụng cụ	287.729.598	329.832.032
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.235.646	26.235.646
Thành phẩm	1.282.437.349	4.493.526.948
Cộng	<u>81.847.290.873</u>	<u>39.800.646.111</u>

Hàng tồn kho có giá trị 54.226.074.864 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.434.787.639	997.306.950
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
Cộng	<u>1.441.087.639</u>	<u>1.003.606.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.801.759.057	69.358.539.573	23.966.944.610	909.372.466	121.036.615.706
Mua sắm trong kỳ	-	25.000.000	-	377.418.182	402.418.182
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	27.826.340.528	-	-	-	27.826.340.528
Thanh lý, nhượng bán	(70.720.000)	-	(340.191.927)	(61.621.300)	(472.533.227)
Số cuối kỳ	54.557.379.585	69.383.539.573	23.626.752.683	1.225.169.348	148.792.841.189
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.033.702.879	51.458.028.019	3.768.915.360	404.365.581	68.665.011.839
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.659.813.166	59.448.815.008	12.934.699.780	750.482.746	94.793.810.700
Khấu hao trong kỳ	373.469.262	1.089.219.310	1.274.305.698	69.518.747	2.806.513.017
Thanh lý, nhượng bán	(70.720.000)	-	(340.191.927)	(61.621.300)	(472.533.227)
Số cuối kỳ	21.962.562.428	60.538.034.318	13.868.813.551	758.380.193	97.127.790.490
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.141.945.891	9.909.724.565	11.032.244.830	158.889.720	26.242.805.006
Số cuối kỳ	32.594.817.157	8.845.505.255	9.757.939.132	466.789.155	51.665.050.699
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 80.027.395.104 VND và 9.682.048.844 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	43.997.560	9.162.641.589
Số cuối kỳ	9.118.644.029	43.997.560	9.162.641.589
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	85.032.689	32.264.892	117.297.581
Khấu hao trong kỳ	5.543.335	4.399.758	9.943.093
Số cuối kỳ	90.576.024	36.664.650	127.240.674
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.033.611.340	11.732.668	9.045.344.008
Số cuối kỳ	9.028.068.005	7.332.910	9.035.400.915
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 8.898.644.029 VND và 8.874.068.029 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	8.738.495.728	-	-	8.738.495.728
Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch	650.508.278.789	80.922.137.927	-	(1.250.465.868)	730.179.950.848
Công trình bến xà lan 500 tấn	27.825.116.916	1.223.612	(27.826.340.528)	-	-
Công trình bến xà lan 30.000 tấn	25.156.705.601	18.960.637.965	-	-	44.117.343.566
Các công trình khác	28.682.060.405	148.369.476	-	-	28.830.429.881
Cộng	732.172.161.711	108.770.864.708	(27.826.340.528)	(1.250.465.868)	811.866.220.023

Toàn bộ giá trị Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp là 10%.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	132.850.000	140.745.500
Phát sinh trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(132.850.000)	(7.895.500)
Số cuối kỳ	-	132.850.000

11. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ L/C thanh toán hợp đồng thi công xây dựng Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	94.817.794.398	74.802.230.472
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	94.817.794.398	74.802.230.472
Vay dài hạn đến hạn trả	36.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	130.817.794.398	98.802.230.472

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.6).

Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	98.802.230.472	79.079.222.540
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	95.137.794.398	118.968.927.976
Kết chuyển từ vay dài hạn	20.000.000.000	8.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(83.122.230.472)	(91.589.990.413)
Số cuối kỳ	130.817.794.398	114.458.160.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
China Machine-Building International Corp	54.551.269.344	50.090.438.949
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	458.830.299	-
Material resources & Trading Corporation	15.696.932.059	9.321.586.704
Các nhà cung cấp khác	15.904.158.062	10.030.075.781
Cộng	<u>86.611.189.764</u>	<u>69.442.101.434</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	16.365.756.835	-
Các khách hàng khác	36.256.006	13.748.093
Cộng	<u>16.402.012.841</u>	<u>13.748.093</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	174.582.965	60.394.188	(233.341.986)	1.635.167
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.073.107.567	(2.073.107.567)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.774.561.472	(987.194.079)	787.367.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.167.209.693	6.583.097.985	(2.856.171.457)	4.894.136.221
Thuế thu nhập cá nhân	143.050.913	178.788.394	(288.341.541)	33.497.766
Thuế tài nguyên	6.114.698	28.246.916	(29.433.200)	4.928.414
Thuế khác	-	120.415.249	(120.415.249)	-
Cộng	<u>1.490.958.269</u>	<u>10.818.611.771</u>	<u>(6.588.005.079)</u>	<u>5.721.564.961</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tắm lợp, xi măng, gạch	10%
- Vận chuyển, phế liệu	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.055.704.089	15.116.224.484
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.292.138.615</i>	<i>46.042.748</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(1.015.450.762)</i>	<i>(562.982.000)</i>
Thu nhập tính thuế	26.332.391.942	14.599.285.232
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>6.583.097.985</u>	<u>3.649.821.308</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) trong kỳ và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:

- Xi măng :	24.000 đồng/tấn
- Tắm lơp :	2.000 - 2.300 đồng/m ²
- Gạch :	350 đồng/viên
- Ngói :	655 đồng/viên
- Đá Pozzolana :	24.000 đồng/tấn
- Gia công xi măng :	12.000 đồng/tấn

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	15.700.000	884.400.000
Lãi vay phải trả	1.700.000.000	786.511.733
Chi phí khác	194.076.571	309.880.779
Cộng	1.909.776.571	1.980.792.512

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	416.125.814	1.934.965
Kinh phí công đoàn	194.353.970	162.366.431
Bảo hiểm thất nghiệp	43.688.663	13.069.995
Cổ tức phải trả	27.271.285.675	47.638.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	803.023.819	1.236.045.538
Cộng	28.728.477.941	1.461.055.604

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.228.780.898	1.432.844.650	(794.896.000)	3.866.729.548
Quỹ phúc lợi	2.094.703.348	614.076.278	(308.526.392)	2.400.253.234
Cộng	5.323.484.246	2.046.920.928	(1.103.422.392)	6.266.982.782

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.7,8).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	36.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	193.000.000.000
Trên 5 năm	217.947.441.753
Tổng nợ	446.947.441.753

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	365.341.904.287	236.869.856.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	65.605.537.466	69.730.889.429
Số kết chuyển	(20.000.000.000)	(8.000.000.000)
Số cuối kỳ	<u>410.947.441.753</u>	<u>298.600.745.429</u>

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	2.200.892.013
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	121.012.691
Số hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>2.321.904.704</u>

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức kỳ trước	-	18.123.459.000
Tạm ứng cổ tức kỳ này	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>18.123.459.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

23. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	45.463.617.222	-
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	5.424.727.500	1.684.116.000
Cộng	50.888.344.722	1.684.116.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	133.708.095.316	149.846.271.350
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>118.772.765.036</i>	<i>92.562.586.375</i>
<i>Doanh thu gia công</i>	<i>14.765.074.600</i>	<i>57.127.604.300</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>170.255.680</i>	<i>156.080.675</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	133.708.095.316	149.846.271.350

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	79.858.706.363	68.901.838.061
Giá vốn gia công	10.924.984.414	51.969.046.162
Cộng	90.783.690.777	120.870.884.223

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.721.330	117.547.286
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	86.450.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175.703.635	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	484.050.762	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	116.996.000	4.556.250
Cộng	916.921.727	122.103.536



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.075.973.481	6.252.545.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.220.870.298	1.195.335.428
Cộng	9.296.843.779	7.447.880.573

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.088.268.772	907.555.981
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	48.711.996	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.058.639	71.411.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	535.064.661	586.429.112
Chi phí khác	237.945.469	199.465.500
Cộng	1.981.049.537	1.764.862.023

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.234.173.258	1.989.610.303
Chi phí vật liệu quản lý	643.789.097	376.910.037
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.251.518	156.799.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	680.145.639	680.141.414
Thuế, phí và lệ phí	42.913.915	105.369.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.524.983.235	892.030.132
Chi phí khác	1.589.479.922	1.644.521.924
Cộng	6.716.736.584	5.845.382.948

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	136.363.700	-
Thu nhập khác – chủ yếu là cung cấp dịch vụ điện, nước cho nhà thầu thi công Nhà máy nghiền Nhơn Trạch	126.460.615	1.187.710.643
Cộng	262.824.315	1.187.710.643

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.218.743.413	11.325.657.676
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.218.743.413	11.325.657.676
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.223.647	18.747.578
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	706	604

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	27.223.647	18.149.098
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 năm 2010	-	7.861
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 6 năm 2010	-	590.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.223.647	18.747.578

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.580.501.627	105.191.158.745
Chi phí nhân công	14.471.985.279	12.572.057.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.816.456.110	2.985.956.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.184.578.966	9.777.465.586
Chi phí khác	1.968.545.172	2.133.595.744
Cộng	121.022.067.154	132.660.233.319

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	645.769.273	553.516.324
Thưởng	73.500.000	99.800.000
Cộng	719.269.273	653.316.324

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ với Công ty với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh – Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	63.709.478.374	81.713.404.294
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.169.724.040	57.267.707.711
Cho mượn	2.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua nguyên liệu	-	10.156.804.721
Cộng nợ phải thu	-	10.156.804.721
Tiền mua nguyên vật liệu phải trả	458.830.299	-
Nhận trước tiền bán hàng	16.365.756.835	-
Cộng nợ phải trả	16.824.587.134	-

Giá mua và bán hàng hóa và dịch vụ với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh là giá thỏa thuận.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm tẩm lợp: sản xuất sản phẩm tẩm lợp và bán cho các Công ty hoặc cá nhân
- Lĩnh vực gia công xi măng: Cung cấp dịch vụ gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh các sản phẩm tẩm lợp</u>	<u>Gia công xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	115.461.385.800	14.765.074.600	3.481.634.916	-	133.708.095.316
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.461.385.800	14.765.074.600	3.481.634.916	-	133.708.095.316
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.981.651.011	1.927.034.872	317.932.535	-	34.226.618.418
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					34.226.618.418
Doanh thu hoạt động tài chính					916.921.727
Chi phí tài chính					(9.296.843.779)
Thu nhập khác					262.824.315
Chi phí khác					(53.816.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.583.097.986)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(253.862.691)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)


	Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					19.218.743.412
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	25.000.000	87.236.265.013	377.418.182	-	87.638.683.195
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	82.971.729.470	57.127.604.300	9.746.937.580	-	149.846.271.350
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.971.729.470	57.127.604.300	9.746.937.580	-	149.846.271.350
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.330.620.598	2.850.964.873	183.556.685	-	21.365.142.156
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					21.365.142.156
Doanh thu hoạt động tài chính					122.103.536
Chi phí tài chính					(7.447.880.573)
Thu nhập khác					1.187.710.643
Chi phí khác					(110.851.278)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.649.821.308)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(140.745.500)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					11.325.657.676
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	164.365.305.954	567.840.173	-	164.933.146.127

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2011


Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924
Tăng vốn năm trước	90.745.490.000	(40.000.000)	-	-	-	-	90.705.490.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	27.843.168.208	27.843.168.208
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(31.727.474.500)	(31.727.474.500)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.392.158.410	(4.176.475.230)	(2.784.316.820)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn	-	-	2.623.766.138	-	-	-	2.623.766.138
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	(6.391.789.603)	-	-	-	(6.391.789.603)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	392.042.364.347
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	392.042.364.347
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	19.218.743.413	19.218.743.413
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(27.223.647.000)	(27.223.647.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	1.023.460.464	(3.070.381.392)	(2.046.920.928)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	6.391.789.603	-	-	-	6.391.789.603
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối kỳ này	-	-	(10.912.168.632)	-	-	-	(10.912.168.632)
Số dư cuối kỳ	272.236.470.000	76.737.250.400	(10.912.168.632)	11.243.301.309	10.971.123.963	17.194.183.763	377.470.160.803

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2011


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc
